

Số: 248/QĐ - VKS

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2026

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 14/9/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 247/QĐ-VKS ngày 16/9/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2026;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2026 của các đơn vị dự toán trực thuộc của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các khu vực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VKSND tối cao (để báo cáo);
- Trang tin điện tử VKSND tỉnh (để đăng tin);
- Lưu VP, Ktoán.





Mẫu biểu số 73

**DỰ TOÁN CHI NSNN ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**

(Quyết định số 248/QĐ- VKS ngày 16/9/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

ĐVT: đồng

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng VKSND tỉnh Thái Nguyên	VKSND Khu vực 1	VKSND Khu vực 2	VKSND Khu vực 3	VKSND Khu vực 4	VKSND Khu vực 5	VKSND Khu vực 6	VKSND Khu vực 7	VKSND Khu vực 8	VKSND Khu vực 9
1	2	3	4=5+6+...+13+14	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ												
2.2	Kinh phí thường xuyên tự chủ												
2.3	Kinh phí thường xuyên không tự chủ												
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo												
	Nhiệm vụ chuyển đổi số												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề												
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình												
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
5	Chi bảo đảm xã hội												
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
6	Chi hoạt động kinh tế												
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường												
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin												
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn												
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao												
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
II	Nguồn vốn viện trợ												
1	Chi quản lý hành chính												



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng VKSND tỉnh Thái Nguyên	VKSND Khu vực 1	VKSND Khu vực 2	VKSND Khu vực 3	VKSND Khu vực 4	VKSND Khu vực 5	VKSND Khu vực 6	VKSND Khu vực 7	VKSND Khu vực 8	VKSND Khu vực 9
1	2	3	4=5+6+...+13+14	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ												
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề												
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình												
5	Chỉ bảo đảm xã hội												
6	Chỉ hoạt động kinh tế												
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường												
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin												
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn												
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao												
III	Nguồn vay nợ nước ngoài												
1	Chỉ quản lý hành chính												
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ												
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề												
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình												
5	Chỉ bảo đảm xã hội												
6	Chỉ hoạt động kinh tế												
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường												
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin												
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn												
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao												